

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

a) Nhu cầu và mục tiêu của gói thầu

- Ống đồng được mua sắm theo gói thầu này nhằm phục vụ sửa chữa bộ làm mát gió máy phát tại Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3 (công suất tổ máy: 2x110 MW).
- Ống đồng sẽ được gia công theo phương pháp nong nguội để đảm bảo tăng cường độ tiếp xúc giữa ống và cánh tản nhiệt trên toàn bộ chiều dài ống, giúp tản nhiệt tốt hơn. Chúng loại ống đồng áp dụng tiêu chuẩn ASTM B111, là ống đồng liền mạch chuyên dùng trong các bộ trao đổi nhiệt (heat exchangers), bình ngưng bề mặt và thiết bị bay hơi.

b) Địa điểm giao hàng: Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk.

c) Thời gian thực hiện hợp đồng: 124 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Trong đó:

- Thời gian giao hàng trong vòng 90 ngày, cụ thể:
 - + Đợt 1: Giao tối thiểu 35% số lượng theo hợp đồng, tương ứng với 3.056 mét (1.910 cây) trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Đợt 2: Giao toàn bộ số lượng còn lại theo hợp đồng, tương ứng với 5.680 mét (3.550 cây) trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng;
- Thời gian kiểm tra, thử nghiệm trong vòng 20 ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hàng hóa, chứng từ;
- Thời gian thanh toán trong vòng 14 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nộp đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán cho Chủ đầu tư.

d) Thông tin liên hệ/phản ánh

- Phòng Kế hoạch và Vật tư, Công ty Thủy điện Buôn Kuốp; địa chỉ: số 22 Mai Xuân Thưởng, phường Thành Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Số điện thoại: 02623959529; Số fax: 02623959589.
- Số điện thoại đường dây nóng của Báo Đấu thầu: 02437686611.
- Địa chỉ email của Ban Quản lý Đấu thầu EVN: quanlydauthau@evn.com.vn.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu được mô tả tại Phụ lục I - Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa kèm theo.

a) Tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa

Chương V - 2

- Hàng hóa được cung cấp phải là hàng mới, chưa qua sử dụng, không có khiếm khuyết do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo và phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau.

- Hàng hóa được nêu tại Phụ lục I là loại hàng hóa mà Chủ đầu tư đang sử dụng. Nhà thầu có thể chào hàng hóa với thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn cụ thể được nêu tại Phụ lục I hoặc tương đương nhưng phải cung cấp tài liệu kỹ thuật, kèm theo văn bản chứng minh sự tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa được nêu. “Tương đương” nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng như nhau, có cùng thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ với hàng hóa được nêu.

- Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ của loại ống đồng được chào.

- Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có thông số kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn khác, việc đánh giá tương đương sẽ căn cứ theo thông số kỹ thuật và quy định của tiêu chuẩn nêu tại Phụ lục I. Nhà thầu phải cung cấp chứng chỉ kiểm tra chất lượng vật liệu (Mill Certificate) điển hình do chính hãng sản xuất phát hành, thể hiện đầy đủ thành phần hóa học, cơ tính và dung sai kích thước của vật liệu.

- Trường hợp có sự khác biệt giữa biểu thông số kỹ thuật chi tiết do nhà thầu kê khai (để chứng minh tính tương đương) và tài liệu kỹ thuật do hãng sản xuất phát hành hoặc quy định của tiêu chuẩn, thì tài liệu kỹ thuật của hãng sản xuất và quy định của tiêu chuẩn được lấy làm cơ sở đánh giá.

- Nhà thầu phải nộp kèm E-HSDT tài liệu kỹ thuật do chính hãng sản xuất ống đồng phát hành. Tài liệu này phải ghi rõ địa chỉ trang web chính thức của hãng và thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật yêu cầu, bao gồm: kích thước ống, ký hiệu và tiêu chuẩn vật liệu, trạng thái xử lý nhiệt (temper designation)... Đồng thời, các thông số này phải được công bố và có thể tra cứu trên trang web chính thức của hãng. Trường hợp thông số kỹ thuật trong tài liệu không được công bố hoặc không thể tra cứu trên trang web chính thức thì được xem là không đáp ứng yêu cầu về thông số kỹ thuật của hàng hóa.

b) Thời gian giao hàng

Theo yêu cầu tại Phụ lục I, cụ thể:

- Đợt 1: Giao tối thiểu 35% số lượng theo hợp đồng, tương ứng với 3.056 mét (1.910 cây) trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng;

- Đợt 2: Giao toàn bộ số lượng còn lại theo hợp đồng, tương ứng với 5.680 mét (3.550 cây) trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

c) Bảo hành

- Thời hạn bảo hành: Không nhỏ hơn 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao hàng hóa.

- Giá trị bảo đảm nghĩa vụ bảo hành: 5% giá hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm nghĩa vụ bảo hành: Bảo lãnh bảo hành hoặc giữ lại một phần giá trị của hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: 12 tháng, kể từ hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng (đợt cuối).

* Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT bản cam kết bảo hành được kê khai theo Mẫu số 23 tại Chương này hoặc một mẫu/tài liệu khác để chứng minh nhà thầu sẽ thực hiện bảo hành đáp ứng thời hạn quy định nêu trên. Trường hợp E-HSDT không đính kèm cam kết thì nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, bổ sung cam kết để làm cơ sở đánh giá E-HSDT theo quy định.

d) Chứng từ liên quan

Theo yêu cầu tại Phụ lục I, trong đó:

- C/O (Certificate of Origin): Đối với hàng hóa sản xuất tại nước ngoài, Nhà thầu phải cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hợp lệ theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa (bản gốc hoặc bản sao y hợp lệ).

- C/Q (Certificate of Quality): Giấy chứng nhận chất lượng hoặc tương tự do hãng sản xuất hoặc văn phòng đại diện của hãng sản xuất cấp (bản gốc hoặc bản sao y hợp lệ).

- Mill Certificate: Chứng chỉ kiểm tra chất lượng vật liệu do hãng sản xuất cung cấp (bản gốc hoặc bản sao y hợp lệ).

- Phiếu kết quả thử nghiệm vật liệu: Nhà thầu phải cung cấp Phiếu kết quả thử nghiệm thành phần hóa học, cơ tính, dung sai kích thước của vật liệu (bản gốc), do tổ chức thử nghiệm trực thuộc cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp và chịu trách nhiệm. Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu tiến hành thử nghiệm lại tại đơn vị được chỉ định, hoặc Chủ đầu tư trực tiếp gửi mẫu vật liệu đến tổ chức thử nghiệm có thẩm quyền để làm rõ các chỉ tiêu thành phần hóa học và cơ tính.

* Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT bản cam kết cung cấp chứng từ liên quan được kê khai theo Mẫu số 23 tại Chương này hoặc một mẫu/tài liệu khác để chứng minh nhà thầu sẽ cung cấp chứng từ đáp ứng các nội dung quy định nêu trên. Trường hợp E-HSDT không đính kèm cam kết thì nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, bổ sung cam kết để làm cơ sở đánh giá E-HSDT theo quy định.

1.3. Các yêu cầu khác

a) Giá dự thầu: Giá dự thầu phải bao gồm thuế GTGT theo cột “Thuế suất GTGT” tại Phụ lục I. Thuế suất thuế giá trị gia tăng sẽ được xác định lại tại thời điểm nghiệm thu, xuất hóa đơn theo các quy định hiện hành. Trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định.

b) Yêu cầu về phương thức thanh toán

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
- Thời hạn thanh toán: 100% giá trị hàng hóa trong vòng 14 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nộp đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán cho Chủ đầu tư.
- Số lần thanh toán: 2 lần (theo từng đợt nghiệm thu).

c) Hợp đồng: Nội dung hợp đồng bao gồm các điều khoản được quy định tại Mẫu số 17A kèm thương Chương này.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

a) Các tài liệu, chứng từ cần có trước khi kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: C/O (bản gốc hoặc bản sao y hợp lệ), C/Q (bản gốc hoặc bản sao y hợp lệ), Mill Certificate (bản gốc hoặc bản sao y hợp lệ), Phiếu kết quả thử nghiệm vật liệu (bản gốc).

* Trong trường hợp có nghi ngờ tính xác thực của Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) hoặc mức độ chính xác của thông tin liên quan đến xuất xứ của hàng hoá, Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp bản gốc C/O (hoặc C/O điện tử) để Công ty Thủy điện Buôn Kuốp đối chiếu. Đồng thời, Công ty Thủy điện Buôn Kuốp có thể gửi yêu cầu kiểm tra tới tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ để xác thực C/O và xuất xứ của hàng hoá đang xem xét.

* Đối với hàng hóa có đặc tính kỹ thuật đặc thù, phức tạp, thường được sản xuất theo đơn đặt hàng, trong trường hợp có nghi ngờ chất lượng hàng hóa hoặc tính xác thực của Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) hoặc các chứng từ liên quan, Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp bản gốc C/Q (hoặc C/Q điện tử) hoặc các chứng từ liên quan để Công ty Thủy điện Buôn Kuốp đối chiếu. Đồng thời, Công ty Thủy điện Buôn Kuốp có thể gửi yêu cầu kiểm tra tới Hãng sản xuất hoặc văn phòng đại diện của Hãng sản xuất để xác định chất lượng, nguồn gốc và C/Q hoặc các chứng từ liên quan của hàng hoá đang xem xét.

b) Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:

- Hàng hóa được kiểm tra, thử nghiệm theo tiêu chuẩn ASTM-B111, cụ thể:
 - + Thử nghiệm thành phần hóa học (theo Bảng 1 - Tiêu chuẩn ASTM-B111);
 - + Thử nghiệm cơ tính, bao gồm: ứng suất chảy và ứng suất kéo đứt (theo Bảng 3 - Tiêu chuẩn ASTM-B111);
 - + Kiểm tra dung sai kích thước, bao gồm: đường kính và chiều dày (theo Bảng 10 và Bảng 12 - Tiêu chuẩn ASTM-B111);
- Số lượng mẫu thử: 04 mẫu (mỗi đợt giao hàng thử nghiệm 02 mẫu).
- Thời gian, địa điểm nghiệm thu: Trong vòng 20 ngày, tại Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp.

Phụ lục I
YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA
(Kèm theo E-HSMT ngày tháng 9 năm 2025 của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
1	Ống đồng Ø19x1,15mm	Vật liệu: ASTM B111 C12200 hoặc tương đương; Trạng thái xử lý nhiệt (Temper Designation): H55 hoặc tương đương; Kích thước: đường kính ngoài OD19mm, chiều dày 1,15mm, chiều dài 1600 mm/ống Chủng loại: ống thẳng, liền mạch (seamless tube)	- Đợt 1 - Giao 35% số lượng, tương ứng với 3.056 mét (1.910 cây): ≤ 60 ngày - Đợt 2 - Giao toàn bộ số lượng còn lại, tương ứng với 5.680 mét (3.550 cây): ≤ 90 ngày	12 tháng	C/O, C/Q, Mill Certificate, Phiếu kết quả thử nghiệm vật liệu	10%

Ghi chú:

- Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ và đính kèm tài liệu kỹ thuật do chính hãng sản xuất ống đồng phát hành.**
- Hàng hóa được cung cấp phải là hàng mới, chưa qua sử dụng, không có khiếm khuyết do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo và phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau.
- Giá dự thầu phải bao gồm thuế GTGT theo cột "Thuế suất GTGT". Thuế suất thuế GTGT sẽ được xác định lại tại thời điểm nghiệm thu, xuất hóa đơn theo các quy định hiện hành.
- Nhà thầu có thể kê khai chi tiết ký mã hiệu, nhãn mác và thông số kỹ thuật cho từng mục hàng hóa dự thầu theo Mẫu số 22 Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật và đính kèm lên Hệ thống dưới dạng file PDF.
- Nhà thầu có thể kê khai chi tiết thời gian giao hàng, thời hạn bảo hành và chứng từ liên quan cho từng mục hàng hóa dự thầu theo Mẫu số 23 Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật và đính kèm lên Hệ thống dưới dạng file PDF.
- Nhà thầu có thể kê khai chi tiết danh mục hàng hóa tương tự của các hợp đồng đã thực hiện để chứng minh kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự theo Mẫu số 24 Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật và đính kèm lên Hệ thống dưới dạng file PDF.

Mẫu số 22 (Scan đính kèm)

**BẢNG ĐỀ XUẤT CHI TIẾT KÝ MÃ HIỆU,
NHÃN MÁC VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT⁽¹⁾**

(Nhà thầu đề xuất)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
TT	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật của Bên mời thầu (dẫn chiều đến Cột (3) và Cột (4) Phụ lục I)	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu	Ghi chú
1	Hàng hóa thứ 1			
2	Hàng hóa thứ 2			
	...			
N	Hàng hóa thứ n			

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi rõ cho từng mục hàng hóa.

Mẫu số 23 (Scan đính kèm)

**BẢNG ĐỀ XUẤT CHI TIẾT THỜI GIAN GIAO HÀNG,
BẢO HÀNH VÀ CHỨNG TỪ⁽¹⁾**
(Nhà thầu đề xuất)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Ghi chú
1	Hàng hóa thứ 1					
2	Hàng hóa thứ 2					
	...					
N	Hàng hóa thứ n					

- Các điều khoản khác.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi rõ cho từng mục hàng hóa.

BẢNG KÊ KHAI DANH MỤC HÀNG HÓA TƯƠNG TỰ
(Nhà thầu kê khai)

1	Hạng mục hàng hóa	Mục 1 - Ống đồng	
a)	Mã HS	74.11.xx.xx	
b)	Chủng loại, lĩnh vực	Thiết bị, phụ tùng trao đổi nhiệt	
c)	Giá trị được coi là tương tự (VND)	1.343.325.000	
d)	Hợp đồng tương tự	...	
	STT	STT trong HD	Giá trị (thành tiền trước thuế)
	1		
	2		
	...		
	Tổng giá trị		
e)	Ngày nghiệm thu/hóa đơn	...	
f)	Các lưu ý khác		

Ghi chú:

Nhà thầu có thể kê khai giá trị của một hoặc nhiều mục hàng hóa trong cùng 01 hợp đồng để chứng minh đáp ứng yêu cầu của từng hạng mục hàng hóa nêu trên, tuy nhiên không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau.

HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: ____

Gói thầu số 01.SCL2026 - Mua sắm ống đồng sửa chữa các bộ làm mát

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;
- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Căn cứ Giấy ủy quyền số 1393/UQ-GENCO3 ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Phát điện 3 - CTCP;
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01.SCL2026 - Mua sắm ống đồng sửa chữa các bộ làm mát và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư;
- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp

Địa chỉ: Số 22 Mai Xuân Thưởng, phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Điện thoại/Fax: 0262 3959529/3959589

Email: khanh.tranvan@gmail.com

Tài khoản: Số 110000045399, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk

Mã số thuế: 3502208399-001

Đại diện là ông: Trần Văn Khánh

Chức vụ: Giám đốc

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại/Fax: _____

Email: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].
2. Phương thức thanh toán: Theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 124 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Trong đó:

- Thời gian giao hàng trong vòng 90 ngày, cụ thể:
 - + Đợt 1: Giao tối thiểu 35% số lượng theo hợp đồng, tương ứng với 3.056 mét (1.910 cây) trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Đợt 2: Giao toàn bộ số lượng còn lại theo hợp đồng, tương ứng với 5.680 mét (3.550 cây) trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng;
- Thời gian kiểm tra, thử nghiệm trong vòng 20 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được hàng hóa, chứng từ;
- Thời gian thanh toán trong vòng 14 ngày, kể từ ngày Bên B nộp đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán cho Bên A.

Điều 8. Phạt vi phạm trách nhiệm thực hiện hợp đồng

Ngoài quy định về phạt và bồi thường thiệt hại tại Mục 22 E-ĐKCT, các quy định khác về phạt vi phạm trách nhiệm thực hiện hợp đồng như sau:

1. Phạt vi phạm chất lượng: Nếu kết quả nghiệm thu xác nhận chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật hàng hóa không đạt yêu cầu nêu tại Phụ lục Bảng giá hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối nhận hàng và phạt bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm hoặc yêu cầu Bên B đổi hàng đạt chất lượng, đúng đặc tính kỹ thuật.

2. Phạt vi phạm xuất xứ hàng hóa: Nếu hàng được giao không đúng xuất xứ hoặc không cung cấp được chứng từ chứng minh xuất xứ theo yêu cầu nêu tại Phụ lục Bảng giá hợp đồng thì Bên B phải đổi hàng có xuất xứ đúng quy định tại hợp đồng. Nếu Bên B không đổi thì Bên A được quyền lựa chọn 1 trong 2 phương thức sau (trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản):

- Nhận hàng và phạt Bên B 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm;
- Trả lại hàng và phạt Bên B 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

Ghi chú: Nếu việc đổi hàng nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này làm chậm tiến độ cung cấp nêu tại Phụ lục Bảng giá hợp đồng thì Bên B vẫn phải chịu phạt theo Mục 22 E-ĐKCT.

Điều 9. Bảo hành

Ngoài quy định bảo hành tại Mục 23 E-ĐKC và các Mục 23.3, 23.5 và 23.6 E-ĐKCT, các quy định khác về bảo hành như sau:

1. Thời gian khắc phục lỗi và sự cố thiết bị trong quá trình bảo hành: Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng, trong vòng 7 ngày, nhân sự của nhà thầu phải có mặt tại hiện trường để phối hợp xác định nguyên nhân và xử lý các lỗi phát sinh. Trong trường hợp hàng hóa cần phải gửi hãng sản xuất để sửa chữa thì thời gian sửa chữa kể từ khi Bên A bàn giao lại cho Bên B và đến khi Bên A nhận lại hàng không được quá tiến độ cung cấp của hàng hóa

đó theo hợp đồng này. Các bộ phận, hàng hóa thay ra được trả lại cho Bên B. Mọi chi phí bảo hành do Bên B chịu.

2. Yêu cầu về bảo đảm bảo hành

- Giá trị bảo hành: 5% giá hợp đồng.
- Hình thức bảo đảm bảo hành: Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là bảo lãnh không hủy ngang, không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu) do tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành (theo mẫu quy định tại Phần 4 của E-HSMT hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận) hoặc bằng hình thức giữ lại một phần giá trị của hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: 12 tháng, kể từ hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng (đợt cuối). Trường hợp sửa chữa, thay thế hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

Điều 10. Đánh giá chất lượng nhà thầu

Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng nhà thầu thực hiện hợp đồng theo nguyên tắc và cách thức được Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Hướng dẫn đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

Điều 11. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng hoặc ngày Bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng, tùy theo ngày nào muộn hơn.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên và được lập thành __ bộ, Chủ đầu tư giữ 3 bộ, Nhà thầu giữ __ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu,

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.](²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ (³). Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

BẢO LÃNH BẢO HÀNH⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*Ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[*Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng, ngày tháng ký hợp đồng*]

Theo điều khoản về bảo hành của hợp đồng, [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm trách nhiệm bảo hành hàng hóa của nhà thầu;

Chúng tôi, ____ [*Ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng*] khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm điều khoản về bảo hành của hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm nghĩa vụ bảo hành là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Hợp đồng.